

Bản án số: 390/2024/HSPT
Ngày: 27 - 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các thẩm phán: ông Phạm Ngọc Thái

ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 344/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Phạm Thị T** và đồng phạm về tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*”; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HSST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1620/2024/QĐXXPT-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Phạm Thị T** (tên gọi khác: **Ú**), sinh ngày 12 tháng 12 năm 1980 tại tỉnh Bình Định; nơi ĐKKHKT: **Số D đường T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định**; chỗ ở hiện nay: **Số A đường Â, phường T, TP P, tỉnh Gia Lai**; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm H** và bà **Võ Thị Đ**; bị cáo có chồng tên **Huỳnh Quang T1** và có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 19/10/2023, đến ngày 24/10/2023 bị tạm giam cho đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G; có mặt.

2. Trần Văn T2, sinh ngày 04 tháng 12 năm 1971 tại Bình Định; nơi ĐKHKTT: Số E N, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: A Â, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Lê Thị H1; bị cáo có vợ là Hồ Thị Bích V và có 2 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 19/10/2023, đến ngày 24/10/2023 bị tạm giam cho đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị T: ông Vũ Đình N1 – Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G; địa chỉ: A L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ 05 phút ngày 19/10/2023, tại trước số nhà A đường Â, phường T, thành phố P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã bắt quả tang Trần Văn T2 điều khiển xe mô tô biển số 81B1-488.18 đang chở trên xe 01 cá thể tê tê vừa từ trong nhà số A Â đi ra ngoài đường. Đồng thời kiểm tra phát hiện bắt quả tang Phạm Thị T đang có hành vi tàng trữ 15 cá thể tê tê, 03 cá thể rùa hộp trán vàng, 08 cá thể rùa đầu to và 05 cá thể rắn hổ mang chúa tại khu vực phòng phía sau nhà thuộc nhà số A Â, phường T, P. Cơ quan điều tra đã tiến hành tạm giữ các đồ vật, tài liệu gồm: 16 con tê tê; 11 con rùa; 05 con rắn hổ mang chúa; 02 điện thoại Iphone 14 Pro Max và điện thoại Iphone 11 của Phạm Thị T; 01 điện thoại Nokia của Trần Văn T2; 03 cuốn vở ô ly học sinh; 01 xe mô tô biển số 81B1-488.18.

Qua điều tra xác định, Phạm Thị T có hoạt động kinh doanh nuôi nhốt động vật hoang dã thông thường như: Nhím, C, rắn Ráo... tại địa chỉ A Â, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai từ năm 2018. Tạm thuê Trần Văn T2 chăm sóc, nuôi nhốt số động vật động vật hoang dã thông thường này với tiền công 5.000.000 đồng/1 tháng.

Đối với 32 cá thể động vật hoang dã thuộc danh mục loài nguy cấp quý hiếm thu giữ của **Phạm Thị T** ngày 19/10/2023, qua điều tra, **T** khai: Khoảng thời gian từ đầu tháng 10/2023 cho đến khi bị bắt giữ, **Phạm Thị T** đã thu mua nhiều lần của nhiều người đồng bào dân tộc thiểu số (không rõ nhân thân lai lịch) mang đến bán cho **T** tại nhà số **A Â**, phường **T** gồm: 16 cá thể Tê tê, 05 cá thể Rắn hổ chúa, 11 cá thể Rùa. Tổng cộng có 32 cá thể động vật hoang dã, các cá thể động vật hoang dã này đều không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc. **Phạm Thị T** mua với giá 1.000.000 đồng/kg đối với Tê tê, giá 500.000 đồng/kg đối với rắn hổ chúa, rùa đầu to và giá 200.000 đồng/kg đối với rùa hộp trán vàng. Khi mua số động vật hoang dã này, **T** đều trả bằng tiền mặt. Mục đích mua để bán lại kiếm lời. Toàn bộ 32 cá thể động vật hoang dã được **Phạm Thị T** cất giấu tại khu vực phòng phía sau nhà. Trưa ngày 19/10/2023, có người đàn ông sử dụng số điện thoại 0366069289 (không rõ lai lịch, tự xưng là người bên **Nhà hàng Đ1**) gọi cho **T** đặt mua 01 con tê tê qua điện thoại số 0906476377 thì **T** thỏa thuận giá là 1.100.000 đồng/kg, khối lượng 4,5kg, thành tiền 4.950.000 đồng. **Phạm Thị T** sử dụng điện thoại số 0329114979 gọi **Trần Văn T2** là người làm thuê sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 81B1-48818 vận chuyển 01 cá thể Tê tê đi giao cho khách, khi **Trần Văn T2** đang vận chuyển ra đường trước nhà của **T** chưa kịp giao cho khách mua thì bị phát hiện bắt quả tang, đồng thời phát hiện bắt quả tang **Phạm Thị T** về hành vi buôn bán 31 cá thể động vật hoang dã đang tàng trữ trong nhà.

Qua giám định số động vật đã tạm giữ, tại Kết luận giám định số 1796/STTNSV ngày 23/10/2023 của **V1** đã kết luận:

“Xác định tên loài cho mẫu vật giám định:

- 1) 05 (năm) cá thể rắn trong bản ảnh được đánh số ký hiệu từ 1.1 đến 1.5 gửi giám định là loài Rắn hổ chúa có tên khoa học là **O** hannah, lớp Bò sát (**R**).
- 2) 16 (mười sáu) cá thể tê tê trong bản ảnh được đánh số ký hiệu từ 2.1 đến 2.16 gửi giám định là loài Tê tê java có tên khoa học là **M** javanica, lớp Thú (**M**).
- 3) 03 (ba) cá thể rùa trong bản ảnh được đánh số ký hiệu từ 3.1 đến 3.3 gửi giám định là loài Rùa hộp trán vàng miền trung có tên khoa học là **C1** bourreti, lớp Bò sát (**R**).
- 4) 08 (tám) cá thể rùa trong bản ảnh được đánh số ký hiệu từ 3.4 đến 3.11 gửi giám định là loài Rùa đầu to có tên khoa học là **P** megacephalum, lớp Bò sát (**R**).

Xác định tình trạng bảo tồn theo quy định của pháp luật:

1) Các loài Rắn hổ chúa, Rùa hộp trán vàng miền trung, **R** đầu to và **Tê tê** java có tên trong Phụ lục I, Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ.

2) Các loài Rắn hổ chúa, Rùa hộp trán vàng miền trung, **R** đầu to và **Tê tê** java có tên trong Nhóm IB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, ngày 22/9/2021 của Chính phủ”.

Sau khi giám định, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh G** có Quyết định xử lý vật chứng số 33/QĐ-CSKT, bàn giao toàn bộ 32 cá thể động vật nêu trên cho **Trung tâm C2** để cứu hộ, chăm sóc, phục hồi, tái thả theo quy định của pháp luật.

Đối với các tài liệu, đồ vật tài liệu đã thu giữ, qua điều tra xác định:

- 03 cuốn vở ô ly học sinh là sổ sách ghi chép nội dung giao dịch mua bán động vật thông thường, qua kiểm tra không phát hiện nội dung liên quan đến việc mua, bán động vật thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc thuộc loài được ưu tiên bảo vệ.

- 01 xe mô tô biển số 81B1-488.18 đứng tên chủ sở hữu là **Phạm Thị G** (là chị ruột của **Phạm Thị T**). Chị **G** khai ngày 18/10/2023 đã cho **Phạm Thị T** mượn chiếc xe này và không biết **T** sử dụng vào việc gì. Hiện Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị **Phạm Thị G**.

- Đối với 02 điện thoại Iphone 14 Pro Max và điện thoại Iphone 11 là của **Phạm Thị T** và 01 điện thoại Nokia của **Trần Văn T2**. Các điện thoại này được các bị can sử dụng trong việc mua bán, vận chuyển động vật nguy cấp, quý, hiếm.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HSST ngày 27-5-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Phạm Thị T**, **Trần Văn T2** phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”.

2. Về điều luật và hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 244; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Phạm Thị T** 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 244; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Văn T2** 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 10-6-2024 bị cáo **Phạm Thị T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
Ngày 12-8-2024 bị cáo **T** làm đơn xin được rút toàn bộ kháng cáo, đơn được gửi đi ngày 17-8-2024.

Ngày 31-5-2024 bị cáo **Trần Văn T2** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nêu lý do là bản án sơ thẩm xử phạt quá nghiêm khắc.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Phạm Thị T** xác định tự nguyện rút kháng cáo.

Bị cáo **Trần Văn T2** giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, trình bày là bị cáo chỉ làm thuê, vận chuyển theo yêu cầu của **Phạm Thị T** để chỉ được hưởng tiền công, gia đình bị cáo rất khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung các đơn kháng cáo: đối với kháng cáo của bị cáo **Phạm Thị T**, do bị cáo tự nguyện rút đơn kháng cáo sau khi đã có quyết định mở phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm. Bản án hình sự sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, kháng cáo của bị cáo **Phạm Văn T3** không có cơ sở nên không chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào lúc 12 giờ 05 phút ngày 19/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã phát hiện, bắt quả tang Trần Văn T2 đang vận chuyển 01 cá thể tê tê để đi giao cho khách hàng. Khám xét nhà số A Â, phường T, thành phố P phát hiện bắt quả tang Phạm Thị T đang tàng trữ 31 cá thể động vật, gồm: 15 cá thể tê tê, 03 cá thể rùa hộp trán vàng, 08 cá thể rùa đầu to và 05 cá thể rắn hổ mang chúa. Theo bị cáo T khai, các cá thể động vật này do bị cáo nhiều lần mua của nhiều người để bán kiếm lời, do có người đặt mua nên bị cáo T gọi bị cáo T2 đi giao hàng thì bị phát hiện.

Theo Kết luận giám định số 1796/STTNSV ngày 23/10/2023 của V1 thể hiện: 16 cá thể loài Tê tê Java có tên khoa học là M javanica, lớp Thú; 05 cá thể Rắn hổ chúa có tên khoa học là O hannah, lớp Bò sát; 08 cá thể Rùa đầu to có tên khoa học là P megacephalum, lớp Bò sát; 03 cá thể Rùa hộp trán vàng miền trung có tên khoa học là C1 bourreti, lớp Bò sát. Đều thuộc Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định các bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”; theo đó, bị cáo Phạm Thị T phạm tội theo điểm a khoản 3 Điều 244 và bị cáo Trần Văn T2 phạm tội theo điểm a khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đối với kháng cáo của bị cáo **Phạm Thị T**, ngày 12-8-2024 bị cáo **Phạm Thị T** rút đơn kháng cáo, nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo theo quy định tại Điều 342 và khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo **Trần Văn T2**:

Bị cáo **Trần Văn T2** có hành vi đồng phạm giúp sức cho bị cáo **T** thực hiện hành vi bán 01 cá thể Tê tê. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo **T2** khai báo thành khẩn, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không được chấp nhận; để đảm bảo cho việc răn đe phòng ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

[5] Các quyết định còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét, việc thi hành án được thực hiện theo bản án sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **T** không phải chịu, bị cáo **T2** phải chịu là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342 và khoản 1 Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo **Phạm Thị T**; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trần Văn T2**, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HSST ngày 27-5-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 244; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Văn T2 15** (Mười lăm) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*”; thời hạn tù tính từ ngày 19-10-2023.

3. Các quyết định còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét, việc thi hành án được thực hiện theo bản án sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo T không phải chịu, bị cáo T2 phải chịu là 200.000 đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKS ND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long